

Số: 176/QĐ - BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 2 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 02 Thủ tục hành chính số thứ tự 01 và 02, mục A, phần I tại Quyết định số 2008/QĐ-BTC ngày 20/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Cục Quản lý giá thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định”.

Điều 3. Cục trưởng Cục Quản lý giá, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLГ (30 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Nguyễn Đức Chi

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THỂ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 176/QĐ-BTC ngày 13 tháng 2 năm 2023 của Bộ Tài chính)

Phần 1. Danh mục Thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính được thay thế | Tên thủ tục hành chính thay thế | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---------------|--|--|---|-------------|--------------------------------|
| A. Thủ tục hành chính cấp Trưng ương | | | | | | |
| 1 | 2.002214 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá | Nghị định số 12/2021/NĐ-CP CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá | Quản lý giá | Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính |
| 2 | 1.006236 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. | | | | |

Phần 2. Nội dung cụ thể thủ tục hành chính lĩnh vực giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

- Tên thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tới Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) qua Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính theo Mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Bước 2: Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính chuyển hồ sơ của Doanh nghiệp đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tới Cục Quản lý giá để xử lý theo quy định.

Bước 3:

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) xem xét để cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định.

+ Trường hợp cần làm rõ các thông tin trong hồ sơ, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) có quyền yêu cầu thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp giải trình hoặc cung cấp tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu, xác minh quá trình làm việc và các thông tin khác trong hồ sơ.

+ Trường hợp doanh nghiệp không bổ sung tài liệu giải trình hoặc tài liệu giải trình không chứng minh đầy đủ các thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề là xác thực, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) có quyền từ chối cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Trường hợp từ chối, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ 01 (một) bộ hồ sơ do doanh nghiệp lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định này, Bộ Tài chính cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp thẩm định giá.

+ Trường hợp từ chối cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.”

- Thành Phần, số lượng hồ sơ: 01 Bộ hồ sơ đầy đủ gồm: Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu do Bộ Tài chính quy định; Danh sách xác nhận của doanh nghiệp về vốn góp của các thành viên trong trường hợp không có thông tin về danh sách thành viên góp vốn, danh sách cổ đông tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Biên lai nộp phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ 01 (một) bộ hồ sơ do doanh nghiệp lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định này, Bộ Tài chính cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp thẩm định giá.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp thẩm định giá

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** 4.000.000 đồng đối với Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; 2.000.000 đồng đối với Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Kèm theo

- **Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Điều kiện chung:

+ Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

+ Có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

+ Đối với người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá: (1). Là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 hoặc điểm c khoản 2 hoặc điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 hoặc điểm c khoản 5 Điều 39 Luật giá. (2). Có ít nhất 03 năm (36 tháng) là thẩm định viên về giá hành nghề trước khi trở thành người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá. (3). Không là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong khoảng thời gian 01 năm (12 tháng) tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

+ Đối với thành viên của doanh nghiệp thẩm định giá là tổ chức: (1) Thành viên là tổ chức được góp tối đa 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành viên trở lên. Cổ đông sáng lập là tổ chức được góp tối đa 35% vốn điều lệ của công ty cổ phần thẩm định giá. Trường hợp có nhiều tổ chức góp vốn thì tổng số vốn góp của các tổ chức tối đa bằng 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thẩm định giá. (2) Người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá và phải đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá mà tổ chức tham gia góp vốn; đồng thời không được tham gia góp vốn vào

doanh nghiệp thẩm định giá đó với tư cách cá nhân, không được là đại diện của tổ chức góp vốn thành lập doanh nghiệp thẩm định giá khác.

2. Điều kiện tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Chủ sở hữu phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Tối thiểu phải có 02 thành viên góp vốn là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

3. Công ty hợp danh: Tối thiểu phải có 02 thành viên hợp danh là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty hợp danh phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Giám đốc doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

5. Công ty cổ phần: Tối thiểu phải có 02 cổ đông sáng lập là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty cổ phần phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.”

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 6/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá về thẩm định giá; Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá.